TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ LĨNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 27/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ LĨNH, TỈNH CAO BẰNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Hoàng Văn Thụ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1 - Bà La Thị Nga.
2 - Bà Mã Thị Huệ.
Thư ký phiên tòa: ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2018/TLST-HS ngày 13/11/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HS ngày 14/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lã Văn K; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 02/01/1989 tại xóm B, xã Q, huyện T, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Lã Văn C (Đã chết) và bà Mông Thị L, sinh năm 1969; Vợ: Bế Thị H, sinh năm 1990; Con: Lã Quang T, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không có; Đảng phái: Đảng viên ĐCSVN *(ngày 10/10/2018, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Trà Lĩnh đã ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Lã Văn Khiêm*). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến ngày 17/10/2018, Công an huyện Trà Lĩnh ra quyết định Bảo lĩnh thay thế biện pháp tạm giam. Bị cáo được tại ngoại tại nơi cư trú *(có mặt).*

2. Bị cáo Lục Văn K1; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 07/8/1998 tại xóm B, xã Q, huyện T, Cao Bằng. Nơi cú trú: xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 04/12; Đảng phái: Không; Con ông Lục Văn K, sinh năm 1971 và bà Hứa Thị N, sinh năm 1970; Vợ; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến ngày 15/10/2018, Công an huyện Trà Lĩnh ra quyết định Bảo lĩnh thay thế biện pháp tạm giam. Bị cáo được tại ngoại tại nơi cư trú *(có mặt).*

3. Bị cáo Lục Văn K2; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 29/11/1995 tại xóm B, xã Q, huyện T, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 08/12; Đảng phái: Không; Con ông Lục Văn H, sinh năm 1965 và bà Bế Thị T, sinh năm 1964; Vợ: Vương Bích T, sinh năm: 1997; Con: Lục Tuấn K, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến ngày 15/10/2018, Công an huyện Trà Lĩnh ra quyết định Bảo lĩnh thay thế biện pháp tạm giam. Bị cáo được tại ngoại tại nơi cư trú *(có mặt).*

4. Bị cáo Lục Văn T; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 13/9/1996, tại xóm B, xã Q, huyện T, Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Đảng phái: Không; Con ông Lục Văn Y (Đã chết) và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1968; Vợ: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1999; Con: Lục Nguyễn Bảo T, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 đến ngày 15/10/2018, Công an huyện Trà Lĩnh ra quyết định Bảo lĩnh thay thế biện pháp tạm giam. Bị cáo được tại ngoại tại nơi cư trú *(có mặt).*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1999; trú tại xóm B, xã Q, huyện T, Cao Bằng *(có mặt).*

2. chị Vương Bích T, sinh năm 1997; trú tại xóm B, xã Q, huyện T, Cao Bằng *(có mặt).*

Người làm chứng:

1. chị Lã Thị H, sinh năm 1973; trú tại xóm B, xã Q, huyện T, Cao Bằng *(vắng mặt).*

2. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1986; trú tại xóm K, xã Q, huyện T, Cao Bằng *(vắng mặt).*

3. Trương Văn Đ, sinh năm 1988; trú tại xóm L, xã Q, huyện T, Cao Bằng *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 20/8/2018, Công an huyện Trà Lĩnh tiếp nhận tin báo của quần chúng nhân dân về việc phát hiện tại đường rẽ vào nhà máy NIKKO, thuộc địa phận Rằng Mòn, xóm L, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng có một xe mô tô biển kiểm soát 11Y1 - 0391 chở theo hàng hóa cồng kềnh bị bỏ lại trên mặt đường. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Lĩnh đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và truy tìm chủ nhân chiếc xe mô tô. Kết quả khám nghiệm xác định 04 (bốn) thùng giấy bằng cát tông bên ngoài được bọc bằng túi ni lông màu đen, bên trong có chứa các dàn pháo hình khối hộp loại 36 quả và 49 quả. Tiến hành cân toàn bộ 04 thùng pháo có tổng khối lượng 103 Kg (một trăm linh ba kilogam) và niêm phong vật chứng đúng theo quy định của pháp luật. Tại bản kết luận giám định số: 4739 ngày 27/8/2018 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: *"**Các mẫu vật gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ** (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ)".*

Quá trình điều tra mở rộng đã xác định được: do được hai người đàn ông lạ mặt thuê vận chuyển pháo nên chiều ngày 19/8/2018, Lã Văn K nói với Lục Văn K1

và K2 là người cùng xóm là tối đi vận chuyển pháo cho K sẽ được trả tiền công nên K1 và K2 đồng ý. Đến buổi tối cùng ngày, K phân công cho K2 đi xe đi trước để xem có lực lượng chức năng làm việc không, nếu có thì điện báo cho K và phân công cho K1 dùng xe mô tô biển kiểm soát 11Y1- 0391 vận chuyển pháo từ vị trí cất giấu đi đến Bản P, xã C. Khoảng 23h20 phút cùng ngày, K gọi điện cho Lục Văn T, sinh năm 1996 là người cùng xóm, bảo T dùng xe mô tô của T có biển kiểm soát 11B1-118.13 đưa K đi theo sự chỉ dẫn của K (K không nói mục đích đi đâu cho T). T đưa K đi về hướng xóm Bản M, xã Q, huyện T. Sau đó, K gọi điện cho K1 bắt đầu vận chuyển pháo. K1 dùng xe mô tô đi đến địa điểm cất giấu pháo, buộc pháo vào giá thồ hàng và điều khiển xe mô tô chở pháo qua xóm Bản L. Sau khi K1 xuất phát, K bảo T chở xuống đèo M, xã Q, huyện T chờ. Trong quá trình di chuyển, K, K1, và K2 có gọi điện thoại cho nhau để trao đổi, thông báo về diễn biến tình hình trên đường đi.

Sau đó, người thuê K vận chuyển đề nghị mang pháo ra đến đèo M, xã Q, huyện T. K bảo T quay lại giúp K1. Lúc giúp K1 buộc pháo T mới biết hàng K1 đang chở là pháo. Do chở nặng lốp non, xe lắc nên K1 đau tay. K1 bảo T lái xe chở pháo, T đồng ý và điều khiển xe mô tô chở pháo đi về hướng đèo M, K1 điều khiển xe mô tô của T. Trên đường đi, K1 nhận được điện thoại của K nói có xe đi ngược chiều từ đèo M vào huyện T nên tìm chỗ nấp. K1 bảo T cùng nhau cho xe tránh vào đoạn đường vào nhà máy NIKKO. Lúc này, thấy có ánh đèn xe mô tô đi theo sau, nghĩ có người đuổi theo nên K1 và T vứt xe mô tô chở pháo ở trên đường và bỏ chạy bằng xe của T vào hướng nhà máy NIKKO. Trên đường bỏ chạy, K1 nhận được điện thoại của K thông báo cho K1 biết có người ở cạnh xe mô tô chở pháo, đừng quay ra lấy xe. K tiếp tục đứng quan sát đến khi không thấy có người đứng ở cạnh xe mô tô chở pháo thì gọi điện cho K1 quay ra lấy xe, bỏ pháo lại và đi về nhà. K1 và T quay ra lấy xe mô tô biển kiểm soát 11Y1-0391 rồi cùng K đi về. Trên đường về, K có gọi điện cho K2 báo việc vận chuyển pháo bị phát hiện. Sau đó ai về nhà người đó ngủ.

Ngày 06 và ngày 07/9/2018, Công an huyện Trà Lĩnh đã cho các bị cáo Lục Văn K1, Lục Văn T, Lã Văn K xác định vị trí K1 để pháo và vị trí T giúp K1 buộc pháo lên xe tại đường đi vào xóm Lũng Úc (Lũng Riệc) và vị trí bỏ lại pháo tại Rằng Mòn, xóm L, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Kết quả: Các bị cáo xác định đúng vị trí đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSTL ngày 13/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Lã Văn K, Lục Văn K1, Lục văn T và Lục Văn K2 về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* theo quy định tại điểm a, g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Lã Văn K thừa nhận cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng và khai nhận: số pháo bị thu giữ rạng sáng ngày 20/8/2018 là của hai người đàn ông quê ở Thái Nguyên thuê bị cáo vận chuyển từ Bản L, xã Q, huyện T đến đèo M, xã Q, huyện T. Sau khi nhận lời với 02 người đàn ông Thái Nguyên, bị cáo có nói lại với K1 và K2 và được hai người đồng ý cùng bị cáo vận chuyển để lấy 2.000.000đ tiền công. Sau đó, bị cáo được phân công công việc cho K1, K2, T như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lục Văn K1, Lục Văn T và Lục Văn K2 đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đúng như lời khai của bị cáo K tại tòa và không có gì bổ sung thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lã Văn K, Lục Văn K1, Lục Văn T và Lục Văn K2 về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* . Tại phiên tòa bị cáo Lã Văn K đề nghị được áp dụng mức phạt tiền thấp nhất, đồng thời bị cáo có con nhỏ mới được 01 tháng tuổi nên mong Hội đồng xét xử xem xét, Kiểm sát viên đề nghị:

- Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 191, điều 17; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lã Văn K bằng hình thức phạt tiền từ 300.000.000đ đến 400.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước;

- Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 191, điều 17; điểm s, t khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lục Văn K1 từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

- Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 191, điều 17; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lục Văn K2 từ 24 đến 30 tù nhưng cho hưởng án treo;

- Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 191, điều 17; điểm i,s, t khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lục Văn T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vương Bích T khai: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại máy trần, màn hình cảm ứng, màu trắng - hồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu trắng - nâu, biển kiểm soát 11B1 - 108.05 không liên quan đến vụ án và đã được Công an trả lại. Tôi không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thanh H trình bày: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại máy trần, màn hình cảm ứng, màu trắng - vàng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen - bạc, biển kiểm soát 11B1 - 188.13 đã được Công an trả lại. Tôi không có yêu cầu gì thêm

Về vật chứng vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: đề nghị xử lý theo pháp luật.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên mà chỉ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện Trà Lĩnh; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: tại phiên tòa, các bị cáo Lã Văn K, Lục Văn K1, Lục Văn T và Lục Văn K2 nhận tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện vận chuyển **103 kg** (Một trăm linh ba kilôgam) pháo nổ do Trung Quốc sản xuất từ xóm B, xã Q, huyện T, Cao Bằng đến đèo M, huyện T để lấy tiền công vận chuyển. Tại bản kết luận giám định số 4739 ngày 27/8/2018 của Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an kết luận: ***"Các mẫu vật gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ*** *(có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ)".*

Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức nhưng giản đơn, do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố đối với các bị cáo về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* theo quy định tại điểm a, g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ý thức được pháo nổ là loại hàng hóa Nhà nước cấm vận chuyển nhưng vẫn cố ý. Tuy nhiên mục đích không nhằm mua bán kiếm lời, chỉ nhận lời vận chuyển để lấy tiền công nhưng chưa thực hiện trót lọt đã bị phát hiện, do đó cần xem xét vị trí, vai trò của từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

Trong vụ án này, bị cáo Lã Văn K là người giữ vai trò chính, K là người tổ chức, trực tiếp phân công công việc cho K1, K2, T. Trong đó, bị cáo K1 là người thực hành, khi được K đặt vấn đề vận chuyển pháo để lấy tiền công, K1 đồng ý và trực tiếp vận chuyển pháo theo sự chỉ đạo của K. Tại phiên tòa bị cáo K chấp nhận xem xét áp dụng mức hình phạt tiền thấp nhất cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cùng gia đình làm ăn lương thiện, bị cáo hứa sẽ không tái phạm. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của bị cáo được áp dụng mức phạt tiền là có căn cứ nhằm tạo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước nên cần được chấp nhận.

Đối với bị cáo Lục Văn K1 khi được K đặt vấn đề vận chuyển pháo để lấy tiền công, K1đồng ý và trực tiếp vận chuyển pháo. Tại phiên tòa bị cáo K1 đề nghị xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cùng gia đình làm ăn lương thiện, bị cáo hứa sẽ không tái phạm. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, để bị cáo giáo dục tại địa phương thể hiện rõ chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, tạo điều kiện cho bị cáo được sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Đối với bị cáo Lục Văn T và Lục Văn K2: các bị cáo có vị trí, vai trò thứ yếu trong vụ án (K2 thực hiện việc cảnh giới theo sự phân công của K; T chỉ dùng xe máy chở K đi xem hàng theo sự chỉ dẫn của K và chỉ biết hàng mà K, K1, K2 đang vận chuyển là pháo khi K bảo T ra giúp K1 chở hàng). Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, đồng thời cũng thể hiện rõ chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, tạo điều kiện cho các bị cáo được sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

[3]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: không có.

[4]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

- *Đối với bị cáo K:* Tại Cơ quan điều tra và tại Tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Đơi với bị cáo K1:* Tại Cơ quan điều tra và tại Tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tích cực phối hợp với cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án, do đó, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Đối với bị cáo K2 và bị cáo T:* tại Cơ quan Điều tra và tại Tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm. Bị cáo tích cực phối hợp với cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án, Do vậy, được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mức hình phạt đối với bị cáo K1 nặng hơn so với bị cáo K2 và T; mức phạt bị cáo K2 nặng hơn so với bị cáo T (căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo).

[5]. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng với các bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo nên cần được chấp nhận.

[6]. *Về hướng xử lý vật chứng của vụ án*:

- 04 thùng cát tông pháo thu giữ tổng khối lượng **103** kg là đồ vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, loại máy trần, màn hình cảm ứng là điện thoại bị cáo K sử dụng để trao đổi, liên lạc thực hiện tội phạm nên tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước.

- 01 chiếc giá thồ hàng bằng kim loại, giá có kích thước 1, 08 x 0,4 x 0,55 mét; 01 chiếc chăn bông màu đỏ - tím đã rách, kích thước 1,1 x 01 mét; 01 chiếc áo mưa; 02 đoạn dây ni lông màu xanh đều đã qua sử dụng *(số vật chứng trên là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên tịch thu, tiêu hủy)*.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại máy trần, màn hình cảm ứng, màu trắng - hồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu trắng - nâu, biển kiểm soát 11B1 - 108.05, 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại máy trần, màn hình cảm ứng, màu trắng - vàng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen - bạc, biển kiểm soát 11B1 - 188.13 *(số vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo đã được Công an trả lại cho chủ sở hữu)*.

[7]. *Về án phí*: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Các bị cáo Lã Văn K, Lục Văn K1, Lục Văn T và Lục Văn K2 phạm tội *"Vận chuyển hàng cấm"*.

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lã Văn K bằng hình thức bằng hình thức phạt tiền với số tiền là **300.000.000đồng** *(Ba trăm triệu đồng chẵn)* để sung quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 191, điều 17; điểm s,t khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xử phạt bị cáo Lục Văn K1 **30** *(Ba mươi)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** *(sáu mươi)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 191, điều 17; điểm s,t khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Lục Văn K2 **26** *(hai mươi sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **52** *(măm mươi hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 191, điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Lục Văn T **24** *(hai mươi bốn)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** *(Bốn mươi tám)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lục Văn K1; Lục Văn K2; Lục Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 03 chiếc thùng cát tông được niêm phong, bên trong là **103** kg pháo dạng hình khối hộp 36 vật hình trụ được liên kết với nhau và 01 thùng cát tông được niêm phong là pháo dạng hình khối hộp 49 vật hình trụ được liên kết với nhau. Trên mặt 04 thùng có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Ủy ban nhân dân xã Q- huyện T - Cao Bằng; 01 chiếc giá thổ hàng bằng kim loại, giá có kích thước 1, 08 x 0,4 x 0,55 mét, đã qua sử dụng; 01 chiếc chăn bông màu đỏ - tím, chăn đã rách, kích thước 1,1 x 01mét, chăn đã qua sử dụng; 01 chiếc áo mưa, màu trắng trong suốt có đốm xanh - trắng, kích thước 1,58 x 1,56 mét, áo mưa đã qua sử dụng; 02 đoạn dây ni lông màu xanh.

- Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, loại máy trần, màn hình cảm ứng, được niêm phong trong một chiếc phong bì thư, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Công an huyện Trà Lĩnh.*(số vật chứng trên đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Lĩnh theo biên bản giao nhận ngày 24/9/2018).*

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lã Văn K, Lục Văn K1, Lục Văn T và Lục Văn K2 mỗi bị cáo phải chịu **200.000đ** *(Hai trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh CB;
- Sở tư pháp Cao Bằng;
- VKSND huyện, Công an huyện;
- THADS huyện; Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thụ